

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Hợp.
2. Bà Hoàng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Nhà văn hóa Khu dân cư Lôi Động, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/01/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1987
2. *Bị đơn:* Anh Đồng Văn Nh, sinh năm 1981

Đều đăng ký thường trú tại: Khu dân cư (KDC) số , phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: KDC số , phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/12/2018 và các bản tự khai; biên bản hòa giải ngày 17/01/2019, 01/3/2019, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Đồng Văn Nh được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau ngày 28/4/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (nay là phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương). vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau lễ cưới

vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chị làm công việc kinh doanh nhà nghỉ của gia đình nhà chồng nhưng anh Nh ít quan tâm đến công việc kinh doanh, khi chị tham gia ý kiến lại to tiếng với chị nhiều lần, gây áp lực, căng thẳng thường xuyên đối với chị mấy năm nay; gia đình nhà chồng nhiều lần nhắc nhở anh Nh nhưng anh Nh không thay đổi; tháng 12 năm 2018 vợ chồng vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau; chị đã đưa 2 con về sống riêng ở nhà bố mẹ đẻ cách nơi ở của vợ chồng một nhà. Anh Nh và gia đình nhà chồng có đến tìm đón chị về đoàn tụ nhưng chị không về đoàn tụ. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng của chị đối với anh Nh không còn nữa, vợ chồng không thể về đoàn tụ, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Đồng Văn Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung Đồng Thị Thu Ph, sinh ngày 22/4/2009; Đồng Văn Đ, sinh ngày 20/11/2012; 2 con chung khi thì ở với chị ở nhà ông bà ngoại, khi thì ở với anh Nh ở nơi ở cũ của vợ chồng; cả 2 cháu chủ yếu do chị nuôi dưỡng, dạy học và đưa đón đi học; chị Hiện đang làm công việc phụ giúp gia đình bán hàng. Khi ly hôn chị đồng ý để anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nh một con chung 1.000.000đ/tháng; 2 con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản: Khi ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 17/01/2019, 01/3/2019, bị đơn anh Đồng Văn Nh trình bày:

Anh và chị Lê Thị Thu H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28/4/2008 như chị H trình bày là đúng; vợ chồng có tổ chức lễ cưới; sau lễ cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, đến năm 2012 có 2 con chung; đến tháng 11 năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; anh đi làm về thì chị H cần nhằn anh về việc không quan tâm đến gia đình dẫn đến vợ chồng cãi nhau, có câu nói không tôn trọng nhau; chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống riêng từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay. Anh có sang nhà bố mẹ đẻ chị H xin lỗi và tìm đón chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị H có 2 con chung Đồng Thị Thu P, sinh ngày 22/4/2009; Đồng Văn Đ, sinh ngày 20/11/2012 hiện chủ yếu ở với chị H, khi thì ở với anh; hiện anh đang ở nơi ở cũ của vợ chồng; làm công việc kinh doanh nhà nghỉ và làm hợp đồng cho Công ty sửa chữa điện miền bắc tại P nên có nơi ở và thu nhập để nuôi con. Khi ly hôn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và đồng ý mức chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh một con 1.000.000đ/tháng; 2 con chung là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, khi ly hôn anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Người làm chứng ông Lê Minh Ph và bà Đồng Thị C (Là bố mẹ đẻ của chị H) cung cấp: Chị H là con lớn của ông, bà; vợ chồng chị H và anh Nh ở cách nhà

ông, bà một nhà nên ông bà biết mấy năm gần đây anh Nh hay nói nhiều, không khí gia đình căng thẳng kéo dài; cháu H nói bị căng thẳng tinh thần, mệt mỏi kéo dài không chịu được đã đưa 2 con về nhà ông, bà sống riêng từ tháng 12/2018 cho đến nay; gia đình ông, bà có động viên vận động chị H về đoàn tụ; anh Nh và gia đình nhà chồng có đến tìm đón nhưng chị H không về đoàn tụ; nếu chị H ly hôn và được giao nuôi con ông, bà sẽ hỗ trợ về chỗ ở và mọi mặt cho chị H.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H (Mẹ đẻ anh Nh) cung cấp: Anh Nh là con thứ 3 của bà; thời gian vừa qua vợ chồng chị H và anh Nh có xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm không thống nhất với nhau được; cuối tháng 12/2018 chị H đã đưa 2 con về sống riêng tại nhà ông, bà ngoại; anh Nh và ông, bà có đến tìm đón chị H về đoàn tụ nhưng chị H không về đoàn tụ, gia đình mong muốn vợ chồng chị H và anh Nh về đoàn tụ.

Đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng chị H và anh Nh sống chung tại KDC số , phường P; khoảng tháng 12/2018 chị H có đến trình bày về việc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau; chị H đã về nhà bố, mẹ đẻ sống riêng từ tháng 12/2018 cho đến nay; chính quyền địa phương có động viên, vận động chị H về đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Chị H trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Nh; khi ly hôn đồng ý để anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nh một con chung 1.000.000đ/tháng; 2 con chung là 2.000.000đ/tháng ; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Anh Đồng Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về nghĩa vụ có mặt tại phiên tòa khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD); Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí tại Tòa án. Xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Đồng Văn Nh; Giao 2 con chung Đồng Thị Thu P, sinh ngày 22/4/2009; Đồng Văn Đ, sinh ngày 20/11/2012 cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với anh Nh mức 1.000.000đ một con chung; 2.000.000đ đối với 2 con chung. Về tài sản không phải đặt ra giải quyết; Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Bị đơn, anh Đồng Văn Nh không có yêu cầu phản tố, vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Đồng Văn Nh:

Chị Lê Thị Thu H và anh Đồng Văn Nh kết hôn với nhau ngày 28/4/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình nhà chồng; tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận; những năm gần đây vợ chồng làm công việc kinh doanh nhà nghỉ của gia đình nhà chồng đến khoảng năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như nhiều lần to tiếng với nhau; không khí gia đình căng thẳng trong thời gian dài; tháng 12 năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn với nhau; chị H đã đưa 2 con về sống riêng ở nhà bố mẹ đẻ. Anh Nh và gia đình nhà chồng có đến tìm đón chị H về đoàn tụ nhưng chị không về đoàn tụ; gia đình hai bên có hòa giải vận động vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành chứng tỏ vợ chồng chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nh là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nh có yêu cầu nguyện vọng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chưa cải thiện được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng hiện nay; chưa thuyết phục được chị H về sống chung nên yêu cầu của anh là chưa đủ cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 2 con chung Đồng Thị Thu P, sinh ngày 22/4/2009; Đồng Văn Đ, sinh ngày 20/11/2012; hiện khi thì ở với chị H, khi thì ở với anh Nh; khi ly hôn anh Nh và chị H thỏa thuận anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung. Anh Nh hiện đang ở nơi ở cũ của vợ chồng rộng rãi; ngoài kinh doanh nhà nghỉ còn làm hợp đồng cho Công ty sửa chữa điện miền bắc tại P là anh Nh có đủ điều kiện về nơi ở và thu nhập để nuôi con. Nên giao cả 2 con chung cho anh Nh trực tiếp nuôi dưỡng; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung với anh Nh một con chung là 1.000.000đ/tháng; 2 con chung là 2.000.000đ/tháng là đảm bảo được lợi ích về mọi mặt của con và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh Nh khai báo vợ chồng không có tài sản chung; khi ly hôn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn, là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Đồng Văn Nh.

Về quan hệ con chung:

Xử giao 2 con chung Đồng Thị Thu P, sinh ngày 22/4/2009; Đồng Văn Đ, sinh ngày 20/11/2012 cho anh Đồng Văn Nh trực tiếp nuôi dưỡng; chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung với anh Nh một con chung là 1.000.000đ/tháng; 2 con chung là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung tròn đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng bằng tiền mặt vào ngày 15 hàng tháng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Trường hợp chị H chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con và được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0001156, ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương; chị H còn phải nộp 300.000đ án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thu H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Đồng Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tp. Chí Linh;
- Chi cục THA DS tp. Chí Linh;
- UBND phường Phả Lại (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngọc